

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã MWG đã vượt giá mục tiêu.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	2.2%	156.9%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	23.1%	-	-6.3%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	32.5%	-	0.5%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	19.2%	199.9%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	22.8%	-	8.8%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	4.6%	39.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	15.5%	32.4%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	116.0%	142.4%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	9.6%	77.2%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	62.0%	184.2%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.8%	-	120.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	11.6%	41.9%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	10.4%	42.7%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	9.5%	80.4%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	7.7%	-	13.0%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	9.1%	-	33.1%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
TNG	24/08/21	27,500 - 29,000	38,000	26,000	1:3	5.5%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	1.3%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	11.7%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	26.4%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	11.4%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	54.1%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	44.8%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	25.2%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	14.3%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	61.8%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-10.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	14.9%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	34.5%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	24.3%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	22.7%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	48.6%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	28.1%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-3.7%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-9.2%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-0.4%

GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	-0.3%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-8.7%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	78.6%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	6.1%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	34.6%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	20.8%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	-14.0%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	10.3%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	42.1%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	8.6%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	73.9%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	99.2%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	167.6%
DRI*	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	154.3%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường duy trì sắc xanh tốt trong buổi sáng trước khi suy yếu và rơi khỏi tham chiếu trong buổi chiều, nỗ lực hồi phục sau đó vào cuối ngày bị phiên ATC giảm điểm lấy đi gần hết.

Tương quan tăng giảm nghiêng nhẹ về phía giảm trên toàn thị trường nhưng trội hơn hẳn trong nhóm VN30 cũng như VNMidCap. Hầu hết các nhóm ngành đều giảm và tác động tiêu cực đến thị trường ngoại trừ Thực phẩm đồ uống, Bán lẻ và Du lịch giải trí, mà nổi bật là các cổ phiếu như SAB, MWG, HVN...

VN-INDEX

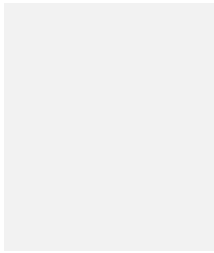


(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 13/09/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn một chút so với mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn hai ngày liền trước và cao hơn trung bình.

- ⇒ Lực bán giá thấp mạnh chiếm ưu thế là diễn biến chủ đạo trong ngày, khi nó được xác nhận bởi khối lượng giao dịch lớn, nhưng đối ứng vẫn là một lực mua không quá bị áp đảo để hấp thụ lại. Tỷ lệ số cổ phiếu giảm giá cao nhất là trong nhóm VN30, sau đó đến VNMidCap và cuối cùng là VNSmallCap (VNSmallCap là chỉ số duy nhất tăng điểm). Nhìn chung thì như đã đề cập nhiều lần trong thời gian gần đây, áp lực bán sau một giai đoạn tăng ngắn hạn trước đó đang chiếm chủ đạo trong nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa, trong khi các cổ phiếu vốn hóa lớn đóng vai trò bộ đệm cho chỉ số chung, còn các cổ phiếu vốn hóa nhỏ đang tăng mạnh. Về mặt nhóm ngành thì một kì vọng đang nổi bật trên thị trường hiện tại là về việc mở cửa trở lại sau thời gian dài giãn cách ở hai thành phố lớn Hồ Chí Minh và Hà Nội, khiến các nhóm cổ phiếu như Bia (nổi bật là SAB), Bán lẻ (nổi bật là MWG) và Du lịch (nổi bật là HVN) tăng điểm mạnh mẽ trong phiên.



Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,290 – 1,310
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
VGX	Upcom	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (390đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	6/10/2021
C4G	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 6%)	14/09/2021	15/09/2021	14/09/2021
NTC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (6.000đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021
DCG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021
CTT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	28/09/2021
HMS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021
XLV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	25/10/2021
CRE	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 10:1), thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỷ lệ 100:95)	14/09/2021	15/09/2021	14/09/2021
SGI	Upcom	Giao dịch 75.464.700 cổ phiếu đăng ký giao dịch	14/09/2021	14/09/2021	14/09/2021
HDW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (740đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021
HAT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	15/10/2021
PVI	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.850 đ/cp)	14/09/2021	15/09/2021	8/10/2021
AGM	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/09/2021	15/09/2021	14/09/2021
TVC	HNX	Giao dịch đầu tiên 34.534.390 cổ phiếu niêm yết bổ sung			14/09/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

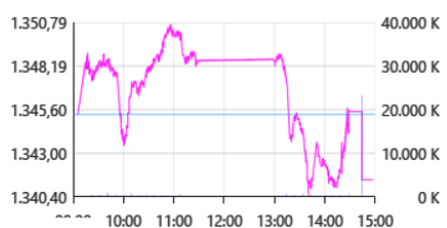
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

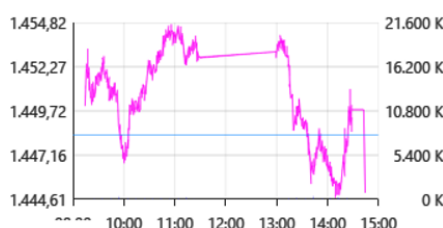
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,341.43	-0.29%	-3.88	775.47	23,110.1	196	30	224
Vn30 - Index	1,444.99	-0.23%	-3.34	170.68	8,862.2	8	1	21
Vn - Mid	1,679.74	-1.10%	-18.61	289.42	8,490.6	22	1	47
VN - Small	1,616.85	0.62%	9.89	220.07	4,066.7	95	12	86
HNX - Index	349.05	-0.28%	-1.00	167.60	3,391.8	137	53	147
Upcom - Index	95.26	-0.15%	-0.15	108.62	2,061.7	172	74	130

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

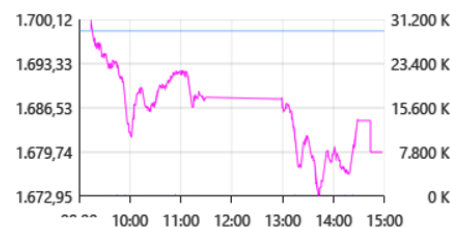
VN-INDEX



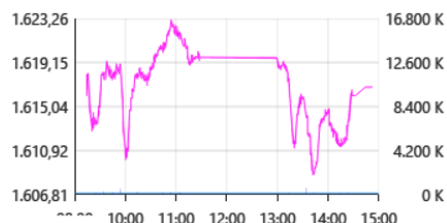
VN30



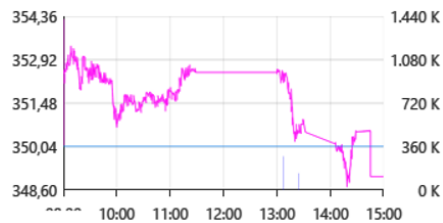
VN-MID



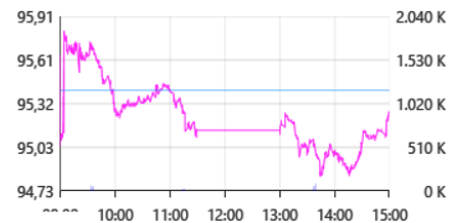
VN-SMALL



HNX-INDEX



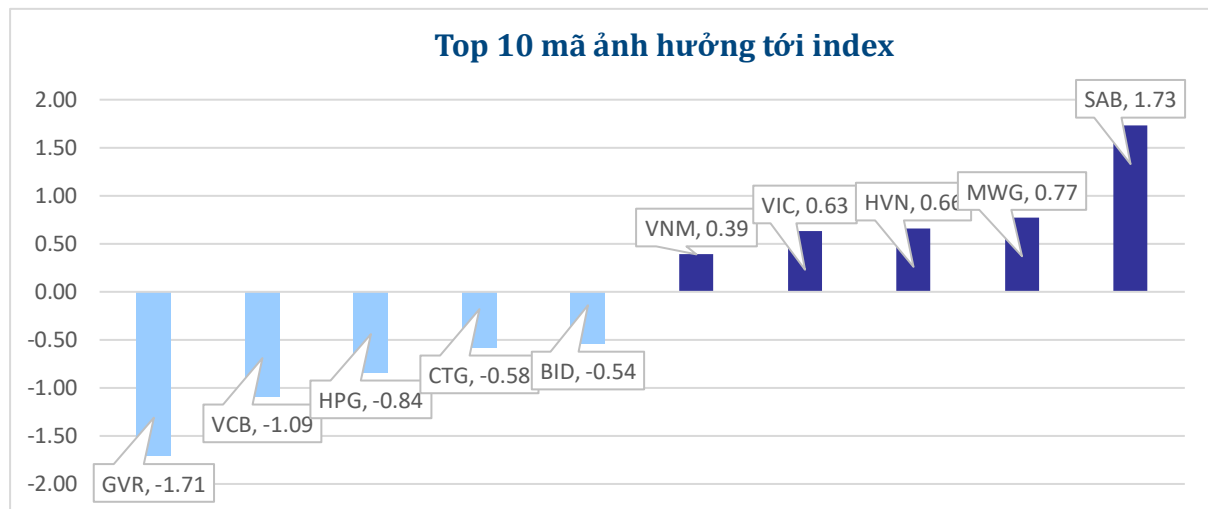
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	23,110.10	20.13%	775.47	29.52%
HNX	3,391.80	42.91%	167.60	38.80%

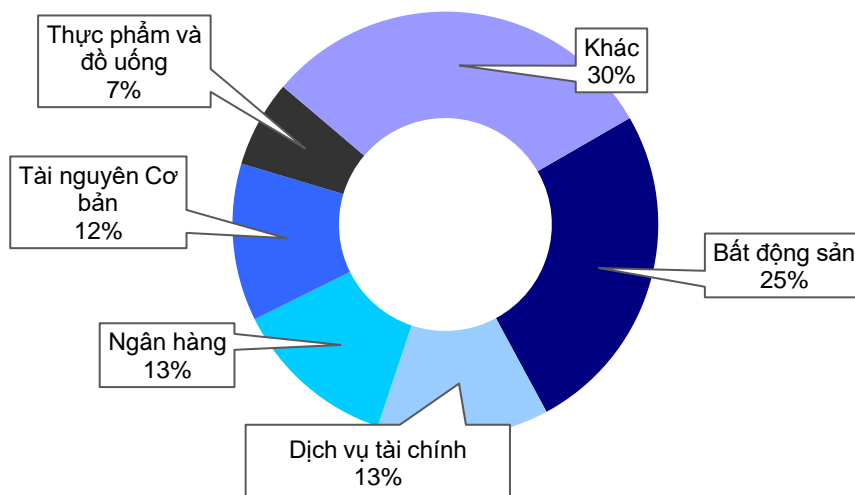
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



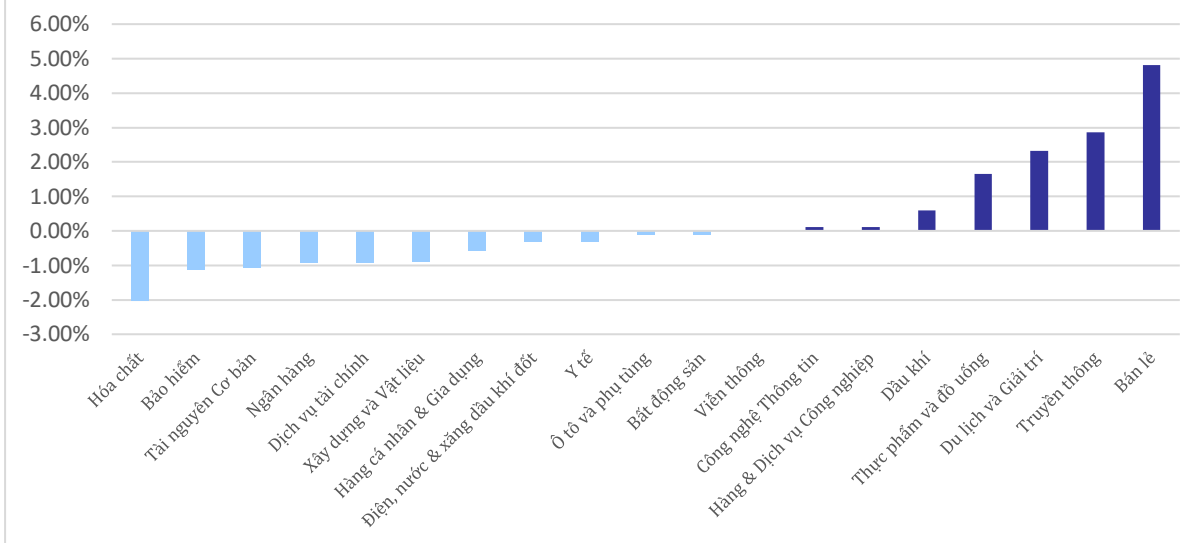
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
KBC	28.51	HPG	1,389.2	SAB	783%	DGC	7.0%	FIT	-6.9%
HPG	27.23	KBC	1,179.6	SJF	458%	FRT	7.0%	KBC	-5.8%
SCR	22.38	VHM	1,055.6	LDG	393%	HVN	7.0%	CH	-4.6%
PVS	18.48	HSG	606.8	GTN	333%	PET	6.7%	SBT	-4.6%
FIT	16.12	SSI	520.1	HVN	298%	SAB	6.7%	LCG	-4.4%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

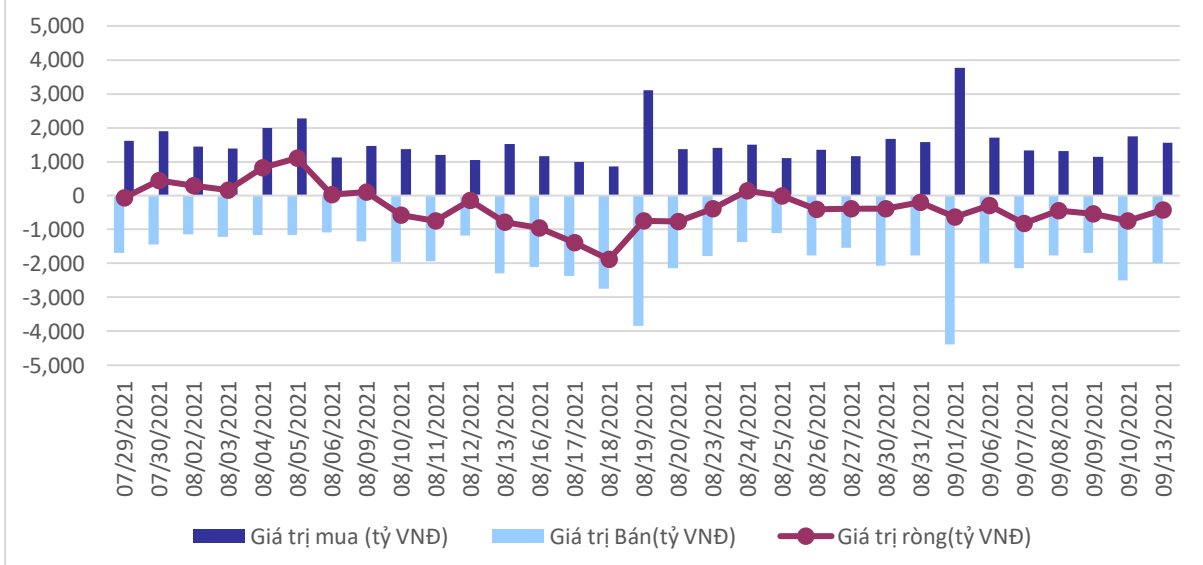


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 431.05 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 139.82 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
SAB	66.89	VIC	181.64
VND	59.39	VHM	162.33
DGC	43.14	HPG	78.37
KDH	37.61	MSN	53.40
VNM	37.23	HCM	40.21

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đình Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696